

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vet Va Co (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát

Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vet Va Co (tiền thân là Xí nghiệp Thuốc Thú Y Trung Ương) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0500237656 ngày 23 tháng 02 năm 1993 và Quyết định số 32 NN-TCCB/QĐ ngày 08 tháng 01 năm 1993.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 05 số 0500237656 ngày 25 tháng 01 năm 2014 và Quyết định số 2895/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Giấy chứng nhận doanh nghiệp lần đầu và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 07 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Sản xuất công nghiệp thuốc thú y;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Xuất nhập khẩu thuốc thú y, vật tư, thiết bị sản xuất thuốc thú y.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau :

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Nam	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Bùi Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hường	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Lựa	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thu Phương	Thành viên
Bà Hoàng Trúc Linh	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo này

Ông Bùi Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Tuấn Anh

Bùi Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông
Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vet Va Co**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vet Va Co, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 7 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Kiểm toán viên tiền nhiệm đã từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vet Va Co liên quan đến việc Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi để xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu khách hàng, trả trước người bán, tạm ứng; không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cho khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024; không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp của một số khoản công nợ; không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc tập hợp chi phí và giá thành thành phẩm nhập kho. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản mục trên Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

- Như đã trình bày tại mục Thuyết minh số V.15, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị khoản phải trả khác là 15.478.298.019 đồng (tại ngày 31/12/2024 là 36.119.037.515 đồng). Chúng tôi không được cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu làm cơ sở để đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của khoản phải trả này cũng như các yếu tố có liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Các khoản công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được đối chiếu xác nhận với các đối tượng có liên quan. Cụ thể tỷ lệ chưa được đối chiếu xác nhận:

Khoản mục	Số dư tại ngày 31/12/2025 (VND)	Số chưa được đối chiếu, xác nhận (VND)	Tỷ lệ chưa được đối chiếu, xác nhận nợ
Phải thu khách hàng	11.315.462.542	6.050.373.005	53,5%
Trả trước cho người bán	817.163.684	472.511.684	57,8%
Vay và nợ thuê tài chính(*)	200.000.000	200.000.000	100%
Phải trả khác (**)	18.443.253.450	18.443.253.450	100%

(*): Thuyết minh số V.10 trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là Khoản vay bà Vũ Thị Thủy theo Hợp đồng số 3/2014/XN/HĐGT ngày 30 tháng 12 năm 2014 chưa có hồ sơ gia hạn và đối chiếu xác nhận nợ đến ngày 31/12/2025.

(**): Thuyết minh số V.15 trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, gồm: Khoản lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I với giá trị khoảng 2,7 tỷ đồng theo hợp đồng vay vốn TDDTPT số 01/2007/HĐTD ngày 27/6/2007 phát sinh từ giai đoạn trước khi cổ phần hóa và đã tồn đọng nhiều năm.

Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư các khoản công nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vet Va Co tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vet Va Co cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính này tại ngày 27 tháng 3 năm 2025 liên quan đến việc Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi để xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu khách hàng, trả trước người bán, tạm ứng với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1,5 tỷ đồng; không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cho khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với số tiền là 36,1 tỷ đồng; không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp của khoản công nợ phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 7,05 tỷ đồng, tạm ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 306 triệu đồng, trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 809 triệu đồng, phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1,7 tỷ đồng; không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc tập hợp chi phí và giá thành thành phẩm nhập kho.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA

Phó Giám đốc



Nguyễn Hải Linh

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3407-2025-152-1

Kiểm toán viên

Đỗ Thị Minh Duyên

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 5664-2023-152-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.730.636.254	83.085.088.439
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.927.456.933	17.084.911.557
1. Tiền	111		2.777.445.629	17.084.911.557
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.150.011.304	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.215.567.973	12.882.955.092
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	11.315.462.542	11.492.892.383
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.653.846.400	817.163.684
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hoạt động xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	460.883.721	1.723.949.389
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(2.214.624.690)	(1.151.050.364)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	51.270.052.303	51.488.510.100
1. Hàng tồn kho	141		58.900.564.061	67.578.109.110
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.630.511.758)	(16.089.599.010)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.317.559.045	1.628.711.690
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.317.559.045	1.224.417.718
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	-	404.293.972
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.855.242.986	19.115.481.431
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.404.503.518	18.506.014.432
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	13.076.537.893	18.100.423.807
- Nguyên giá	222		152.153.732.044	152.153.732.044
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(139.077.194.151)	(134.053.308.237)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	327.965.625	405.590.625
- Nguyên giá	228		833.605.560	833.605.560
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(505.639.935)	(428.014.935)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.450.739.468	609.466.999
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1.450.739.468	609.466.999
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		92.585.879.240	102.200.569.870

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		68.176.101.226	78.181.712.934
I. Nợ ngắn hạn	310		68.176.101.226	78.181.712.934
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	42.453.013.915	33.398.205.282
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	53.456.910	151.560.326
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.578.133	-
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.835.718.540	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	18.980.865.039	39.780.478.637
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	200.000.000	200.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.651.468.689	4.651.468.689
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.16	24.409.778.014	24.018.856.936
I. Vốn chủ sở hữu	410		24.409.778.014	24.018.856.936
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.365.453.044	6.365.453.044
5. Cổ phiếu quỹ	415		(234.900.000)	(234.900.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.942.298.061	15.942.298.061
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		676.469.277	676.469.277
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(34.339.542.368)	(34.730.463.446)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(34.730.463.446)	(19.953.547.718)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		390.921.078	(14.776.915.728)
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		92.585.879.240	102.200.569.870

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Tuấn Anh

Bùi Tuấn Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	86.312.940.933	93.912.918.536
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		86.312.940.933	93.912.918.536
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	61.942.286.905	93.755.556.676
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.370.654.028	157.361.860
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	342.138.334	456.702.427
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.657.144.324	1.078.820.823
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.212.858	28.960.359
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	11.581.375.126	6.995.560.696
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	10.106.823.481	13.142.526.410
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.367.449.431	(20.602.843.642)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	17.156.869	6.034.469.463
12. Chi phí khác	32	VI.6	344.080.520	208.541.549
13. Lợi nhuận khác	40		(326.923.651)	5.825.927.914
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.040.525.780	(14.776.915.728)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	649.604.702	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		390.921.078	(14.776.915.728)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	109	(4.115)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	109	(4.115)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Tuấn Anh

Bùi Tuấn Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.040.525.780	(14.776.915.728)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.101.510.914	5.461.145.576
- Các khoản dự phòng	03		(7.395.512.926)	4.429.335.728
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.154.333.110	789.355.420
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(276.687.211)	(217.266.596)
- Chi phí lãi vay	06		31.212.858	28.960.359
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(344.617.475)	(4.285.385.241)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(85.034.562)	6.041.225.739
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.677.545.049	(10.656.789.643)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.596.150.090)	2.121.780.831
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(841.272.469)	741.148.968
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(245.310.730)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	20.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.434.840.277)	(6.018.019.346)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(66.818.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		276.687.211	217.266.596
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		276.687.211	150.448.414

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.158.153.066)	(5.867.570.932)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		17.084.911.557	22.951.606.838
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		698.442	875.651
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	12.927.456.933	17.084.911.557

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hường

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hường



Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Tuấn Anh

Bùi Tuấn Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vet Va Co (tiền thân là Xí nghiệp Thuốc Thú Y Trung Ương) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0500237656 ngày 23 tháng 02 năm 1993 và Quyết định số 32 NN-TCCB/QĐ ngày 08 tháng 01 năm 1993.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 05 số 0500237656 ngày 25 tháng 01 năm 2014 và Quyết định số 2895/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Giấy chứng nhận doanh nghiệp lần đầu và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 07 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại thuốc thú y và cung cấp dịch vụ bảo quản thuốc.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất công nghiệp thuốc thú y;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Xuất nhập khẩu thuốc thú y, vật tư, thiết bị sản xuất thuốc thú y.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Các đặc điểm hoạt động quan trọng của Công ty trong năm

Không có sự kiện hay hoạt động kinh doanh bất thường nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 129 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 159 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

+ Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối năm trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
Nhà cửa vật kiến trúc	03 – 15	03 – 15
Máy móc thiết bị	03 – 20	03 – 20
Phương tiện vận tải	02 – 06	02 – 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	01 – 10	01 – 10
Phần mềm máy tính	01 – 08	01 – 08

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay và nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính Báo cáo tài chính trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam được xác lập.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán và cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn, khoản lỗ tỷ giá hối đoái, ...

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, ...).

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

16. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	20.071.008	2.321.783
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.757.374.621	17.082.589.774
Các khoản tương đương tiền (*)	10.150.011.304	-
Cộng	12.927.456.933	17.084.911.557

(*): Là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Tây Hà Nội có kỳ hạn gốc 01 tháng với lãi suất 4,1 - 4,2%/năm.

2. Phải thu khách hàng

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam	-	2.283.658.650
Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Navetco	2.594.651.316	2.182.523.175
Các đối tượng khác	8.720.811.226	7.026.710.558
Cộng	11.315.462.542	11.492.892.383

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Trả trước cho người bán**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Công ty G.Amphray Laboratories	2.176.694.400	-
Công ty Cổ phần Cơ Nhiệt Nổi hơi Việt	234.652.000	-
Các đối tượng khác	242.500.000	817.163.684
Cộng	2.653.846.400	817.163.684

4. Phải thu khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Tạm ứng	333.738.200	1.168.538.639
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	94.973.423	553.314.278
Phải thu khác	32.172.098	2.096.472
- <i>Lãi dự thu</i>	30.075.626	-
- <i>Các đối tượng khác</i>	2.096.472	2.096.472
Cộng	460.883.721	1.723.949.389

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO
 Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Đơn vị tính: VND			
5. Nợ xấu		Cuối năm		Đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ngắn hạn	Phải thu khách hàng	2.047.736.490	2.047.736.490	992.162.164	-
	Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Thái Dương	416.373.500	416.373.500	416.373.500	-
	Ông Hoàng Ngọc Tú	499.159.958	499.159.958	499.159.958	-
	Chi cục chăn nuôi, thú y và thủy sản tỉnh Tuyên Quang	281.978.800	281.978.800	-	-
	Chi cục chăn nuôi và thú y Lạng Sơn	253.685.269	253.685.269	-	-
	Chi cục chăn nuôi và thú y Vĩnh Phúc	253.265.974	253.265.974	-	-
	Các đối tượng khác	343.272.989	343.272.989	76.628.706	-
	Phải thu khác	166.888.200	166.888.200	158.888.200	-
	Bà Bùi Doãn Mùi	108.385.000	108.385.000	108.385.000	-
	Ông Cao Văn Phương	50.503.200	50.503.200	50.503.200	-
	Bà Phạm Thị Minh Thu	8.000.000	8.000.000	-	-
	Cộng	2.214.624.690	2.214.624.690	1.151.050.364	-
6. Hàng tồn kho		Cuối năm		Đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Nguyên liệu, vật liệu ^(*)	25.180.164.643	(7.323.486.790)	42.056.649.805	(7.087.764.343)
	Công cụ, dụng cụ	103.500.000	-	103.500.000	-
	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ^(*)	10.232.088.183	-	6.039.450.447	-
	Thành phẩm	23.000.559.120	(307.024.968)	16.657.769.987	(9.001.834.667)
	Hàng hóa	22.841.784	-	138.571.429	-
	Hàng gửi đi bán	361.410.331	-	2.582.167.442	-
Cộng		58.900.564.061	(7.630.511.758)	67.578.109.110	(16.089.599.010)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(*) Tại ngày 31/12/2025, giá trị trong nguyên vật liệu ở dạng kháng nguyên Aftovax Bivalent chưa chia liều đang nằm trong kho Công ty chờ đưa vào sản xuất để xuất trả kho hàng dự trữ quốc gia là: 5.463.114.769 đồng (tương đương 530.000 liều theo ước tính của Công ty); giá trị trong Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ở dạng vắc xin Aftovax Bivalent 25L) đang nằm trong kho Công ty chờ hoàn thành để xuất trả kho hàng dự trữ quốc gia là: 1.502.999.312 đồng (tương đương 251.150 liều theo ước tính của Công ty).

7. Chi phí trả trước

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	415.852.071	-
Chi phí sửa chữa khác	345.791.722	233.266.086
Chi phí tư vấn, quan trắc môi trường	485.290.119	-
Chi phí khác	203.805.556	376.200.913
Cộng	1.450.739.468	609.466.999

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO
 Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						Đơn vị tính: VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý		Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	73.226.146.881	72.563.291.565	5.495.341.240	868.952.358		152.153.732.044
Số tăng trong năm	-	-	-	-		-
- Mua trong năm	-	-	-	-		-
Số giảm trong năm	-	-	-	-		-
Số dư cuối năm	73.226.146.881	72.563.291.565	5.495.341.240	868.952.358		152.153.732.044
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	68.521.782.199	59.210.855.440	5.495.341.240	825.329.358		134.053.308.237
Số tăng trong năm	1.836.925.833	3.168.204.165	-	18.755.916		5.023.885.914
- Khấu hao trong năm	1.836.925.833	3.168.204.165	-	18.755.916		5.023.885.914
Số giảm trong năm	-	-	-	-		-
Số dư cuối năm	70.358.708.032	62.379.059.605	5.495.341.240	844.085.274		139.077.194.151
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	4.704.364.682	13.352.436.125	-	43.623.000		18.100.423.807
Tại ngày cuối năm	2.867.438.849	10.184.231.960	-	24.867.084		13.076.537.893

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao còn sử dụng tại ngày cuối năm là 90.859.456.782 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	833.605.560	833.605.560
Số tăng trong năm	-	-
- Mua trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	833.605.560	833.605.560
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	428.014.935	428.014.935
Số tăng trong năm	77.625.000	77.625.000
- Khấu hao trong năm	77.625.000	77.625.000
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	505.639.935	505.639.935
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	405.590.625	405.590.625
Tại ngày cuối năm	327.965.625	327.965.625

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao còn sử dụng tại ngày cuối năm là 212.605.560 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO
 Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối năm		Phát sinh trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
Bà Vũ Thị Thủy	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
Cộng	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000

(*): Khoản vay ngắn hạn bà Vũ Thị Thủy theo Hợp đồng số 3/2014/XN/HĐGT ngày 30 tháng 12 năm 2014, lãi suất vay là 0,63%/tháng, thời hạn 03 tháng, nếu hết hạn khoản vay sẽ tự động gia hạn. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND***11. Phải trả người bán**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty Boehringer Ingelheim Animal Health France	37.994.307.835	37.994.307.835	30.040.476.782	30.040.476.782
Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung ương Navetco	2.315.275.000	2.315.275.000	882.025.000	882.025.000
Các đối tượng khác	2.143.431.080	2.143.431.080	2.475.703.500	2.475.703.500
Cộng	42.453.013.915	42.453.013.915	33.398.205.282	33.398.205.282

12. Người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Hóa dược Trung Ương	44.559.475	-
Bà Lê Thị Lan	-	132.287.587
Các khách hàng khác	8.897.435	19.272.739
Cộng	53.456.910	151.560.326

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO
 Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND						
13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước						
	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	6.079.760	6.079.760	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	2.063.005.396	2.063.005.396	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	404.293.972	-	649.604.702	245.310.730	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	44.039.697	42.461.564	-	1.578.133
Thuế tài nguyên	-	-	6.746.400	6.746.400	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.359.464.660	2.359.464.660	-	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	168.533.190	168.533.190	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	64.423.618	64.423.618	-	-
Cộng	404.293.972	-	5.361.897.423	4.956.025.318	-	1.578.133

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO
 Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí hoạt động	1.835.718.540	-
Cộng	1.835.718.540	-

15. Phải trả khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	74.204.612	74.211.572
Phải trả về cổ phần hóa	300.000.000	300.000.000
Cổ tức lợi nhuận phải trả	163.406.977	163.406.977
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.443.253.450	39.242.860.088
Hàng dự trữ quốc gia, hàng mượn các chi cục chăn nuôi và thú y, ... (*)	15.478.298.011	36.119.037.515
Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I	2.683.769.394	2.683.769.394
Các đối tượng khác	281.186.045	440.053.179
Cộng	18.980.865.039	39.780.478.637

(*): Bao gồm:

- Giá trị hàng dự trữ quốc gia, hàng mượn các chi cục chăn nuôi và thú y, ... đang trong quá trình sản xuất, hoàn thành với số tiền là: 6.966.114.081 đồng (Trong đó: giá trị trong nguyên vật liệu ở dạng kháng nguyên Aftovax Bivalent chưa chia liều đang nằm trong kho Công ty chờ đưa vào sản xuất để xuất trả kho hàng dự trữ quốc gia là: 5.463.114.769 đồng (tương đương 530.000 liều theo ước tính của Công ty); giá trị trong Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ở dạng vắc xin Aftovax Bivalent 25L) đang nằm trong kho Công ty chờ hoàn thành để xuất trả kho hàng dự trữ quốc gia là: 1.502.999.312 đồng (tương đương 251.150 liều theo ước tính của Công ty). (Chi tiết Thuyết minh số V.6 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính).
- Nguồn tiền ước tính để hoàn thành và bù đắp cho lượng hàng dự trữ quốc gia, hàng mượn các chi cục chăn nuôi và thú y, ... mà Công ty đã xuất đảo, luân chuyển hóa chất sát trùng và vắc xin các loại dự trữ quốc gia để đảm bảo chất lượng và hạn sử dụng trong quá trình dự trữ. Công ty ước tính nguồn tiền này trên cơ sở ước tính giá thành sản xuất dựa vào dữ liệu quá khứ và đánh giá tính khả thi của quá trình mua hàng, hoàn thành các công đoạn trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	36.000.000.000	6.365.453.044	(234.900.000)	15.942.298.061	676.469.277	(19.953.547.718)	38.795.772.664
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-	(14.776.915.728)	(14.776.915.728)
Số dư cuối năm trước	36.000.000.000	6.365.453.044	(234.900.000)	15.942.298.061	676.469.277	(34.730.463.446)	24.018.856.936
Số dư đầu năm nay	36.000.000.000	6.365.453.044	(234.900.000)	15.942.298.061	676.469.277	(34.730.463.446)	24.018.856.936
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	390.921.078	390.921.078
Số dư cuối năm nay	36.000.000.000	6.365.453.044	(234.900.000)	15.942.298.061	676.469.277	(34.339.542.368)	24.409.778.014

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
	VND		VND	
Bộ Nông nghiệp và Môi trường	23.400.000.000	65,00	23.400.000.000	65,00
Vốn góp của các đối tượng khác	12.600.000.000	35,00	12.600.000.000	35,00
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer</i>	<i>8.584.000.000</i>	<i>23,84</i>	<i>8.584.000.000</i>	<i>23,84</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>4.016.000.000</i>	<i>11,16</i>	<i>4.016.000.000</i>	<i>11,16</i>
Cộng	36.000.000.000	100	36.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận, chia cổ tức

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	36.000.000.000	36.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	36.000.000.000	36.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.600.000</i>	<i>3.600.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.000	9.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.000</i>	<i>9.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.591.000	3.591.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.591.000</i>	<i>3.591.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.942.298.061	15.942.298.061
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	676.469.277	676.469.277
Cộng	16.618.767.338	16.618.767.338

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- <i>USD</i>	<i>623,09</i>	<i>623,09</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	5.916.129.423	4.665.004.726
Doanh thu bán thành phẩm	80.396.811.510	89.247.913.810
Cộng	86.312.940.933	93.912.918.536

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	5.991.892.114	4.514.433.556
Giá vốn thành phẩm đã bán	64.409.482.042	69.303.070.164
Giá vốn hàng hủy	-	3.848.453.947
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.459.087.251)	16.089.599.009
Cộng	61.942.286.905	93.755.556.676

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	276.687.211	217.266.596
Lãi chênh lệch tỷ giá	65.451.123	239.435.831
Cộng	342.138.334	456.702.427

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	31.212.858	28.960.359
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	470.899.914	261.380.695
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.155.031.552	788.479.769
Cộng	1.657.144.324	1.078.820.823

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vaccine dùng thử Ukraina	16.695.623	-
Thu nhập từ bồi thường hợp đồng	-	5.947.890.094
Các khoản khác	461.246	86.579.369
Cộng	17.156.869	6.034.469.463

6. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	311.912.103	51.122.705
Chi phí các hóa đơn bỏ trốn	-	85.863.612
Các khoản khác	32.168.417	71.555.232
Cộng	344.080.520	208.541.549

7. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	583.261.900	631.975.179
Chi phí vật liệu, bao bì	172.677	553.211.036
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.629.328	65.191.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.263.766.545	-
Chi phí khác bằng tiền	4.664.544.676	5.745.182.876
Cộng	11.581.375.126	6.995.560.696

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.420.769.143	3.235.294.696
Chi phí vật liệu quản lý	2.073.162.520	7.093.714.719
Chi phí đồ dùng văn phòng	133.232.253	16.033.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	208.700.604	221.592.303
Thuế, phí và lệ phí	64.196.388	48.218.217
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.063.574.326	235.516.906
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.143.188.247	2.292.156.330
Cộng	10.106.823.481	13.142.526.410

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.974.237.739	37.558.660.550
Chi phí nhân công	10.698.974.178	12.206.941.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.101.510.914	5.461.145.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.987.077.438	2.151.545.998
Chi phí khác bằng tiền	7.807.732.923	17.335.759.664
Chi phí dự phòng	(7.395.512.925)	-
Cộng	88.174.020.267	74.714.053.187

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.040.525.780	(14.776.915.728)
- Các khoản điều chỉnh tăng	344.080.520	208.541.549
+ <i>Phạt hành chính</i>	311.912.103	51.122.705
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	32.168.417	157.418.844
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.384.606.300	(14.568.374.179)
Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	1.384.606.300	-
Tổng thu nhập tính thuế	-	(14.568.374.179)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	649.604.702	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	649.604.702	-

Số lỗ còn được chuyển sang các năm sau của Công ty cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển trong các năm trước	Số lỗ được chuyển trong năm nay	Số lỗ còn được chuyển sang những năm sau
2023	(4.409.466.401)	-	1.384.606.300	(3.024.860.101)
2024	(14.568.374.179)	-	-	(14.568.374.179)
Cộng	(18.977.840.580)	-	1.384.606.300	(17.593.234.280)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	390.921.078	(14.776.915.728)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	390.921.078	(14.776.915.728)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.591.000	3.591.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	109	(4.115)
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	109	(4.115)

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Danh mục các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cổ đông sở hữu 65% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan

Thu nhập và thù lao của Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng trong năm:

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Họ tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Chủ tịch HĐQT	136.164.000	127.536.961
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	128.983.810	119.683.561
Ông Trần Thắng	Phó Tổng Giám đốc	119.158.286	68.481.200
Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Hương	Kế toán trưởng	111.607.528	-
Bà Nguyễn Thị Lụa	Trưởng ban kiểm soát	105.065.562	53.441.226
Bà Bùi Thị Thu Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	105.657.227	85.036.763
Cộng		706.636.412	454.179.711

3. Thông tin về bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty phần lớn chỉ hoạt động lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và thương mại thuốc thú y.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động trong năm của Công ty diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.927.456.933	-	17.084.911.557	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.347.634.640	(2.214.624.690)	19.807.578.186	(1.151.050.364)
Cộng	24.275.091.573	(2.214.624.690)	36.892.489.743	(1.151.050.364)

	Giá trị sổ sách	
	Cuối năm	Đầu năm
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	42.453.013.915	33.398.205.282
Vay và nợ	200.000.000	200.000.000
Chi phí phải trả	1.835.718.540	-
Các khoản phải trả khác	18.606.660.427	39.406.267.065
Cộng	63.095.392.882	73.004.472.347

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng. Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Cuối năm	63.095.392.882	-	63.095.392.882
Phải trả cho người bán	42.453.013.915	-	42.453.013.915
Vay và nợ	200.000.000	-	200.000.000
Chi phí phải trả	1.835.718.540	-	1.835.718.540
Các khoản phải trả khác	18.606.660.427	-	18.606.660.427
Đầu năm	73.004.472.347	-	73.004.472.347
Phải trả cho người bán	33.398.205.282	-	33.398.205.282
Vay và nợ	200.000.000	-	200.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	39.406.267.065	-	39.406.267.065

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THỦ Y TRUNG ƯƠNG VET VÀ CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hường

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hường



Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Tuấn Anh

Bùi Tuấn Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026